

# Cạnh tranh Mỹ - Trung Quốc tại Biển Đông (2009-2024) từ góc nhìn của chủ nghĩa hiện thực phòng thủ

Nguyễn Phương Thảo<sup>1</sup>

Ngày nhận bài: 27/4/2026 | Ngày gửi phản biện: 08/5/2026 | Ngày duyệt đăng: 25/5/2026

**Tóm tắt:** Bài viết phân tích cạnh tranh Mỹ - Trung Quốc tại Biển Đông giai đoạn 2009-2024 dưới góc nhìn của chủ nghĩa Hiện thực phòng thủ. Sự thay đổi tương quan sức mạnh giữa hai nước khiến cả Mỹ và Trung Quốc đều ưu tiên bảo đảm an ninh và duy trì cân bằng quyền lực hơn là đối đầu trực tiếp. Mỹ coi hoạt động của Trung Quốc ở Biển Đông là mối đe dọa đối với tự do hàng hải, trật tự dựa trên luật lệ và an ninh đồng minh, nên duy trì tuần tra FONOPs và các hoạt động ngoại giao rắn đề. Trong khi đó, Trung Quốc thúc đẩy quân sự hóa và xây dựng hiện diện ở Biển Đông nhằm bảo vệ chủ quyền, chống lại áp lực từ Mỹ và các liên minh khu vực. Dù cạnh tranh gay gắt, hai bên vẫn giữ kênh đối thoại và tránh leo thang thành xung đột quân sự, cho thấy tính chất phòng thủ, thận trọng của cả hai bên.

**Từ khóa:** Cạnh tranh, chủ nghĩa hiện thực phòng thủ, Biển Đông, Mỹ, Trung Quốc.

## US-China Competition in the South China Sea (2009-2024):

### A Defensive Realist Perspective

**Abstract:** The article analyzes U.S.-China competition in the South China Sea from 2009 to 2024 through the lens of Defensive Realism. The shifting balance of power between the two countries leads both the US and China to prioritize security and power balancing rather than direct confrontation. The United States views China's actions in the South China Sea as a threat to freedom of navigation, the rules-based order, and allied security, so it continues FONOPs and deterrent diplomacy. China, meanwhile, expands its military presence and maritime buildup to protect sovereignty and counter pressure from the United States and regional alliances. Although the rivalry is intense, both sides still maintain dialogue channels and avoid escalation into military conflict, reflecting the defensive and cautious nature of their behavior.

**Keywords:** Competition, defensive realism, South China sea, US, China.

### 1. Đặt vấn đề

Là hai siêu cường toàn cầu hàng đầu, quan hệ Mỹ - Trung Quốc đã trở thành nhân tố trung tâm định hình cấu trúc quan hệ quốc tế đương đại và là động lực chính quyết định cục diện an ninh khu vực cũng như toàn cầu trong thế kỷ XXI. Đặc biệt, từ đầu thế kỷ XXI, mối quan hệ này được đặc trưng bởi tính

<sup>1</sup> Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn; Email: tpnthaophuongnguyen@gmail.com

cạnh tranh ngày càng gay gắt và toàn diện. Kể từ đó, Biển Đông không chỉ là khu vực của các quốc gia ven biển có tranh chấp chủ quyền, mà còn là không gian mà ở đó hai cường quốc Mỹ và Trung Quốc thể hiện chiến lược, lợi ích và tham vọng của mình.

Chủ nghĩa Hiện thực phòng thủ (CNHTPT) cho rằng, chính trạng thái cân bằng quyền lực giữa Mỹ và Trung Quốc đã đẩy hai quốc gia vào cạnh tranh nhằm đảm bảo an ninh của chính mình. Do đó, cả hai cường quốc đều có xu hướng kiềm chế; duy trì cạnh tranh, tránh đối đầu trực tiếp để giảm thiểu tổn thất. Với mục tiêu làm rõ bản chất của cuộc cạnh tranh Mỹ - Trung Quốc tại Biển Đông dưới lăng kính CNHTPT, bài viết tập trung làm rõ các luận điểm chính của CNHTPT, vận dụng trong trường hợp Mỹ và Trung Quốc tại Biển Đông và đưa ra những khía cạnh phòng thủ đã được phản ánh trong hành vi cạnh tranh của hai quốc gia. Để trả lời các câu hỏi trên, cách tiếp cận lý thuyết dựa trên quan điểm của CNHTPT là chủ đạo để xây dựng khung phân tích cho trường hợp cạnh tranh Mỹ - Trung Quốc tại Biển Đông. Về phương pháp, bài viết vận dụng phương pháp phân tích diễn ngôn đối với các nguồn tư liệu bao gồm hệ thống văn bản chính sách, chiến lược quốc gia (như Sách trắng Quốc phòng Trung Quốc, Chiến lược An ninh Quốc gia Mỹ), cùng các bài phát biểu, tuyên bố chính thức của lãnh đạo cấp cao hai nước để nghiên cứu.

## 2. Cơ sở lý luận

Chủ nghĩa Tân Hiện thực (Neo-realism) được phân chia thành hai trường phái tư tưởng chủ đạo: chủ nghĩa Hiện thực tấn công và chủ nghĩa Hiện thực phòng thủ. Điều đáng chú ý là cả hai trường phái đều xuất phát từ cùng một hệ thống giả định nền tảng, song lại dẫn đến những kết luận mang tính phân kỳ sâu sắc. Chính trên nền tảng lý luận đó, bài viết này tiếp cận vấn đề chủ yếu thông qua lăng kính của CNHTPT. Trọng tâm của trường phái này có thể được tóm lược qua các luận điểm cốt lõi, cụ thể như sau:

*Thứ nhất*, yếu tố "cân bằng quyền lực" là nhân tố then chốt chi phối hành vi của quốc gia trong hệ thống vô chính phủ. CNHTPT xem trạng thái cân bằng quyền lực là yếu tố cốt lõi định hình hành động của các quốc gia (Waltz, 1979, 126). Trong một hệ thống không có cơ quan quyền lực tối cao, sự phân bổ quyền lực tương đối giữa các nước chính là cơ sở để đánh giá mối đe dọa an ninh. Do đó, hành vi của quốc gia chủ yếu là một phản ứng đối với trạng thái cân bằng quyền lực đó. Mục tiêu cuối cùng của những hành vi này không phải là vô hạn, mà nhằm duy trì hoặc khôi phục một thể cân bằng đảm bảo cho sự tồn tại an toàn.

*Thứ hai*, mục tiêu cao nhất của các quốc gia là an ninh và sự tồn tại trong hệ thống vô chính phủ. CNHTPT giả định rằng mục tiêu tối thượng của các quốc gia không phải là tối đa hóa quyền lực hay đạt vị thế bá quyền, mà là đảm bảo an ninh và sinh tồn. Theo quan điểm này, trạng thái vô chính phủ của hệ thống quốc tế khuyến khích các quốc gia hành xử một cách phòng thủ và duy trì thay vì phá vỡ cân bằng quyền lực (Mearsheimer, 2001). Các quốc gia tìm cách bảo toàn quyền lực ở mức vừa đủ, vì việc tích lũy quyền lực quá mức sẽ kích thích sự hình thành các liên minh đối kháng, từ đó làm giảm an ninh thay vì tăng cường.

*Thứ ba*, các quốc gia không chỉ dựa vào biện pháp quân sự đơn thuần mà linh hoạt công cụ kết hợp cả kinh tế, ngoại giao và quân sự để phản ứng trước những thay đổi trong cán cân quyền lực và mức độ

đe dọa. Cụ thể, khi mối đe dọa gia tăng, một quốc gia có thể tăng cường chi tiêu quân sự hoặc tìm kiếm liên minh, nhưng đồng thời vẫn duy trì các kênh đối thoại ngoại giao và hợp tác kinh tế để xoa dịu căng thẳng và tối thiểu hóa nguy cơ xung đột (cạnh tranh ổn định). Về phương thức, hành vi này được thực hiện thông qua sự kết hợp giữa đấu tranh và hòa hoãn, phản ánh bản chất phòng thủ và thận trọng. Quốc gia sẵn sàng củng cố khả năng phòng thủ khi cần thiết, nhưng đồng thời luôn tìm kiếm cơ hội đối thoại để tránh leo thang ngoài ý muốn. Phương thức này không chủ động tìm kiếm xung đột hay phá vỡ hiện trạng, mà nhằm quản lý rủi ro và duy trì sự cân bằng trong một hệ thống (Waltz, 1979). Xung đột chỉ được dự báo sẽ leo thang trong những tình huống cực đoan khi thể lưỡng nan trở nên không thể kiểm soát (Rose, 1998).

### **3. Mục tiêu chiến lược của Mỹ và Trung Quốc tại Biển Đông**

Từ góc nhìn của Mỹ, các hoạt động quân sự và ngoại giao tại Biển Đông là phản ứng phòng thủ nhằm bảo vệ lợi ích quốc gia thiết yếu trước sự hành động quân sự hóa của Trung Quốc tại Biển Đông. Mỹ nhìn Biển Đông dưới quan điểm là an ninh phi truyền thống. Việc Trung Quốc xây dựng và quân sự hóa các tiền đồn tại Biển Đông đã tạo ra ba mối đe dọa nghiêm trọng: gây gián đoạn cho tự do thương mại, đe dọa chủ quyền của các quốc gia ven biển, và làm suy yếu ổn định khu vực. Đặc biệt, các hoạt động tuần tra tự do hàng hải (FONOPs) và sự hiện diện quân sự của Mỹ được định vị như biện pháp cần thiết để ngăn chặn bất kỳ quốc gia nào kiểm soát độc quyền vùng biển chiến lược này, điều mà Mỹ coi là đe dọa trực tiếp đến an ninh thịnh vượng của cả Mỹ và đồng minh. Qua các văn kiện Chiến lược An ninh Quốc gia, Mỹ nhất quán mục tiêu không phải là loại bỏ ảnh hưởng của Trung Quốc hay theo đuổi đối đầu toàn diện, mà là duy trì trật tự dựa trên luật pháp quốc tế, đảm bảo tự do hàng hải. Tuy nhiên, bản chất phòng thủ của chiến lược Mỹ còn thể hiện rõ qua những giới hạn tự đặt ra trong can thiệp quân sự. Mỹ duy trì các hoạt động FONOPs nhưng không mở rộng các hoạt động đến mức phá vỡ sự phong tỏa của Trung Quốc đối với các quốc gia Đông Nam Á không phải là đồng minh của Mỹ. (Fravel et al., 2022)

Từ phía Trung Quốc, các hoạt động cải tạo đảo và quân sự hóa Biển Đông là phản ứng phòng thủ tất yếu trước những mối đe dọa an ninh từ bên ngoài. Trung Quốc nhìn nhận Biển Đông qua góc độ an ninh truyền thống. Trung Quốc coi Biển Đông là một phần không tách rời của lãnh thổ quốc gia và là vấn đề liên quan trực tiếp đến an ninh và ổn định dọc theo vùng ngoại vi. Sách trắng Quốc phòng 2015 của Trung Quốc nhận định rằng, chiến lược tái cân bằng của Mỹ, sự gia tăng hiện diện quân sự và củng cố các liên minh quân sự tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương đã tạo ra áp lực an ninh nghiêm trọng dọc theo vùng ngoại vi của Trung Quốc. Theo cách giải thích này, việc xây dựng mạng lưới căn cứ quân sự tại Biển Đông là nhằm tăng cường năng lực răn đe và ngăn chặn sự xâm nhập từ bên ngoài để bảo vệ những gì Trung Quốc coi là quyền và lợi ích hàng hải cũng như chủ quyền lãnh thổ không thỏa hiệp (Grandpierron & Pomès, 2025).

### **4. Các khía cạnh phòng thủ trong hành vi cạnh tranh Mỹ - Trung Quốc tại Biển Đông (2009-2024)**

Cạnh tranh chiến lược giữa Mỹ và Trung Quốc tại Biển Đông trong giai đoạn 2009-2024 không diễn ra theo kịch bản đối đầu toàn diện mà thể hiện rõ nét các đặc trưng của CNHTPT thông qua việc

cả hai cường quốc đều ưu tiên duy trì cạnh tranh ổn định, tránh leo thang xung đột, và sử dụng các biện pháp ngoại giao kiềm chế.

*Thứ nhất*, chính sách phòng thủ của Mỹ được thể hiện qua những tuyên bố ngoại giao kiềm chế, dựa trên nguyên tắc luật quốc tế thay vì chỉ trích trực tiếp. Chính sách can dự Biển Đông của Mỹ dưới thời Tổng thống Barack Obama chủ yếu tập trung vào các tuyên bố bảo vệ Công ước Liên hợp quốc về Luật biển và hạn chế tối đa việc chỉ đích danh những hành vi của Trung Quốc. Tuyên bố của Ngoại trưởng Hillary Clinton tại Diễn đàn Khu vực ASEAN tháng 7/2010 thể hiện rõ đặc điểm này khi sử dụng ngôn ngữ dựa trên nguyên tắc luật quốc tế thay vì chỉ trích trực tiếp bất kỳ quốc gia nào. Các khái niệm như "tất cả các bên" và "không đứng về bên nào" cho thấy, ở thời điểm này, Mỹ định vị mình ở vai trò trung gian, không nhắm vào một đối tượng cụ thể, giúp tránh việc biến tuyên bố thành cuộc đối đầu trực diện với Trung Quốc. Tuyên bố ưu tiên các phương thức hòa bình như tiến trình ngoại giao hợp tác, các sáng kiến xây dựng lòng tin và việc soạn thảo Bộ quy tắc ứng xử. Việc ủng hộ Tuyên bố Ứng xử năm 2002, một văn kiện mà cả Trung Quốc cũng đã ký kết, cho thấy Mỹ khuyến khích các bên tuân thủ các cam kết hiện có thay vì đưa ra yêu cầu mới mang tính áp đặt. Mỹ cho rằng, cho sự can dự của mình thông qua lợi ích quốc gia về tự do hàng hải, một lý do chính đáng và được quốc tế thừa nhận, khiến quan tâm của Mỹ có thể được hiểu như một mối quan tâm chung của cộng đồng quốc tế chứ không phải động thái đối đầu địa chính trị.

*Thứ hai*, tính phòng thủ của cả Mỹ và Trung Quốc được thể hiện rõ qua cách xử lý sự việc tại bãi cạn Scarborough năm 2012. Khi Chính phủ Philippines kêu gọi hỗ trợ từ Mỹ và ASEAN, phản ứng của Mỹ chỉ dừng lại ở mức tăng cường và tái khẳng định hợp tác quân sự với Philippines nhưng không can thiệp trực tiếp. Tại Hội nghị 2+2 chính thức đầu tiên trong lịch sử liên minh Mỹ-Philippines vào ngày 30/4/2012, Ngoại trưởng Clinton và Bộ trưởng Quốc phòng Panetta tái khẳng định cam kết và nghĩa vụ của Mỹ theo Hiệp ước Phòng thủ chung song không nói cụ thể. Cuối tháng 5/2012, Mỹ làm trung gian đưa ra một thỏa thuận cho các bên rút các lực lượng của mình. Đặc biệt, mặc dù tuyên bố vào tháng 8/2012 nêu đích danh Trung Quốc liên quan đến hoạt động xung quanh bãi cạn Scarborough và việc thành lập thành phố Tam Sa, Mỹ đã không còn tiếp tục nêu tên Trung Quốc và quay trở về những trọng tâm trước đây, tức là những nguyên tắc chung cần được áp dụng cho tất cả các bên tranh chấp. Về phía Trung Quốc, phản ứng sau khi Philippines đề xuất đệ trình tranh chấp lên Tòa Trọng tài quốc tế cũng cho thấy một khía cạnh phòng thủ và kiềm chế nhất định. Trong vòng một tuần sau đề xuất này, Trung Quốc đã rút các tàu của mình khỏi khu vực bãi cạn, tránh leo thang căng thẳng (Poling, 2022, 383).

*Thứ ba*, Mỹ không sử dụng vũ lực để bảo vệ quyền tài nguyên của các quốc gia, mặc dù đã bày tỏ ý định sẵn sàng sử dụng vũ lực nếu Trung Quốc cố gắng cải tạo đất tại bãi cạn Scarborough. Mỹ đã điều chỉnh chính sách của mình theo phán quyết năm 2016 của tòa án, tiến hành các hoạt động FONOPs để duy trì cách diễn giải của mình về quyền tự do hàng hải. Về phía Trung Quốc, Trung Quốc đã sử dụng các lực lượng vùng xám chẳng hạn như cảnh sát biển và dân quân biển.

*Thứ tư*, Mỹ và Trung Quốc hiện vẫn duy trì các cơ chế đối thoại và hợp tác. Quân ủy Trung ương Trung Quốc và Bộ Quốc phòng Mỹ đều coi trọng mối quan hệ ổn định đã được vun đắp trong nhiều thập kỷ, với các kênh bền vững và thực chất ở cấp cao nhất của quân đội nhằm giảm nguy cơ nhận thức sai và tính toán sai ở tất cả các cấp (Hương Lan, 2021). Tại cuộc hội đàm giữa Tổng thống Joe Biden và Chủ

tịch Tập Cận Bình vào ngày 15/11/2023 trước thượng đỉnh APEC, hai nhà lãnh đạo đã thảo luận về việc khôi phục các cơ chế trao đổi quân sự giữa hai nước, đặc biệt là thỏa thuận tái kích hoạt Hiệp định Tham vấn Hàng hải Quân sự có hiệu lực từ năm 1998 nhưng bị đình chỉ từ năm 2020 (Thanh Hà, 2023). Việc này phản ánh nỗ lực ngăn chặn căng thẳng leo thang thành xung đột trực tiếp. Ngoài lĩnh vực quân sự, hai nước đã đạt được đồng thuận quan trọng về vấn đề khí hậu trong thông cáo chung ngày 15/11/2023, cùng cam kết đóng góp hết sức mình cho hội nghị khí hậu COP28. Trong lĩnh vực môi trường, Quan hệ Đối tác Sinh thái Mỹ-Trung Quốc giữa tổ chức Sea Turtles 911 và Đại học Sư phạm Hải Nam đã chứng minh rằng, các tranh chấp chính trị có thể được gác lại để cùng giải quyết những thách thức chung (Yeh et al, 2021). Phòng chống ma túy là một ví dụ điển hình khác, với việc ra mắt Nhóm Công tác Chống Ma túy Mỹ-Trung Quốc vào tháng 1/2024 sau khi hoạt động hợp tác bị Trung Quốc cắt đứt vào tháng 8/2022 (Huyền Lê, 2025). Bất chấp những bất đồng ngày càng gia tăng tại khu vực Biển Đông, Mỹ và Trung Quốc vẫn tìm cách duy trì các kênh đối thoại nhằm giảm thiểu rủi ro xung đột.

Về tổng thể, cả Mỹ và Trung Quốc đều hành xử dựa trên tư duy phòng vệ. Tuy nhiên, nghịch lý nằm ở chỗ: những biện pháp nhằm tự vệ của bên này lại được bên kia xem đó một mối đe dọa tấn công trực diện. Dù vậy, việc hai cường quốc vẫn duy trì các cơ chế đối thoại và quản trị rủi ro trong giai đoạn này phản ánh rõ khía cạnh của hiện thực phòng thủ: mục tiêu cuối cùng của các bên vẫn là sự sống còn và ổn định chứ không phải là một cuộc xung đột tổng lực.

## 5. Kết luận

CNHTPT nên được xem như một góc nhìn bổ sung quan trọng trong phân tích cạnh tranh Mỹ - Trung tại Biển Đông. Lý thuyết này phản ánh chính xác động lực an ninh cốt lõi trong hành vi của cả Mỹ và Trung Quốc ở Biển Đông, lý giải hiện tượng "cạnh tranh ổn định" giữa các cường quốc - một đặc điểm nổi bật của quan hệ quốc tế đương đại. Quan điểm này phù hợp bối cảnh hậu Chiến tranh Lạnh, khi bản chất cạnh tranh cường quốc đã thay đổi căn bản do sự phát triển vượt bậc về năng lực quân sự và kinh tế của các quốc gia lớn. Tuy nhiên, nghiên cứu cũng ghi nhận một số hạn chế nhất định. Thứ nhất, lý thuyết này chưa phản ánh được tổng thể cạnh tranh Mỹ-Trung Quốc. Thứ hai, đánh giá rằng các quốc gia đang theo đuổi chiến lược phòng thủ dựa trên quan sát hành vi hiện tại, không thể đảm bảo rằng hành vi này sẽ duy trì trong tương lai khi các điều kiện thay đổi. Thứ ba, lý thuyết chỉ yếu dựa vào các văn kiện và diễn ngôn để khẳng định động cơ an ninh của cả hai bên, nhưng chưa chắc chắn được mục tiêu thực sự. Thứ tư, CNHTPT với trọng tâm gần như tuyệt đối vào cán cân quyền lực có thể bỏ qua hoặc đánh giá thấp vai trò của các nhân tố khác trong việc định hình hành vi quốc gia. Từ đó, đưa ra hàm ý chiến lược ứng dài hạn cho Việt Nam cần được xây dựng dựa trên nhận thức then chốt rằng cạnh tranh Mỹ-Trung Quốc sẽ kéo dài (không phải xung đột ngắn hạn cần phòng bị). Do đó, chính sách chiến lược của Việt Nam cần duy trì lập trường cân bằng linh hoạt, phát triển trong môi trường cạnh tranh kéo dài, tận dụng cán cân quyền lực Mỹ-Trung Quốc, và bảo vệ chủ quyền và lợi ích quốc gia bền vững. Việc ứng dụng góc nhìn của CNHTPT giúp Việt Nam hiểu rõ hơn về lợi ích an ninh của các bên và dự đoán các diễn biến tiềm tàng, từ đó định hướng được chính sách ngoại giao phù hợp để giữ vững môi trường hòa bình, ổn định và phát triển bền vững.

**Ghi chú:** Nghiên cứu này được tài trợ bởi Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – ĐHQGHN trong đề tài mã số SV.2026.23.

## Tài liệu tham khảo

1. Fravel, M. Taylor, Charles L. Glaser, Stephen G. Brooks, Avery Goldstein, Eric Heginbotham, Michael McDevitt, Evan S. Medeiros và Richard J. Samuels. “How Much Risk Should the United States Run in the South China Sea?”. *International Security* 47, no. 2 (2022): 88–134. <https://direct.mit.edu/isec/article/47/2/88/113545/How-Much-Risk-Should-the-United-States-Run-in-the>.
2. Grandpierron, Mathieu, Eric Pomès. “Communicating Dissatisfaction over International Norms: Unpacking Chinese International Discursive Strategy to Oppose the US in the South China Sea”. *Sociološki pregled*, 2025. <https://www.rand.org/pubs/testimonies/CT470.html>, truy cập ngày 19/3/2026.
3. Hương Lan. “Căng thẳng Mỹ - Trung: Dùng đối thoại quân đội để ngăn ngừa ‘chiến tranh nóng’?”. *Báo Nông nghiệp và Môi trường*, 2021. <https://nongnghiepmoitruong.vn/cang-thang-my--trung-dung-doi-thoai-quan-doi-de-ngan-ngua-chien-tranh-nong-d282366.html>, truy cập ngày 19/3/2026.
4. Huyền Lê. “Mỹ, Trung, Thái Lan phối hợp bắt lượng ma túy kỷ lục trên Biển Đông”. *VnExpress*, 2025. <https://vnexpress.net/my-trung-thai-lan-phoi-hop-bat-luong-ma-tuy-ky-luc-tren-bien-dong-4950184.html>, truy cập ngày 19/3/2026.
5. Mearsheimer, John J. *The Tragedy of Great Power Politics*. New York: W. W. Norton, 2001.
6. Poling, Gregory B. *Vùng nguy hiểm: Một thập kỷ của Mỹ tại Biển Đông*. Bản dịch của Nguyễn Nghị. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, 2022.
5. Rose, Gideon. “Neoclassical Realism and Theories of Foreign Policy”. *World Politics* 51, no. 1 (10/1998): 144–172.
6. Thanh Hà. “Mục tiêu thượng đỉnh Mỹ - Trung: Duy trì đối thoại tránh dẫn đến xung đột”. *Báo Lạng Sơn*, 2023. <https://www.rfi.fr/vi/quốc-tế/20231115-muc-tieu-thuong-dinh-my-trung-duy-tri-doi-thoai-tranh-dan-den-xung-dot>, truy cập ngày 19/3/2026.
7. Waltz, Kenneth N. *Theory of International Politics*. Reading, MA: Addison-Wesley, 1979.
8. Xiao, Ren. “Modeling a ‘New Type of Great Power Relations’: A Chinese Viewpoint”. The Asan Forum, March 11, 2013. <https://theasanforum.org/modeling-a-new-type-of-great-power-relations-a-chinese-viewpoint/>, truy cập ngày 18/03/2026.
9. Yeh, F. C., L. Lin, T. Zhang, R. Green, F. Martin và H. Shi. “Advancing Sea Turtle Conservation in the South China Sea via U.S.-China Diplomacy”. *Environmental Progress & Sustainable Energy* 40, no. 5 (2021): <https://doi.org/10.1002/ep.13643>.